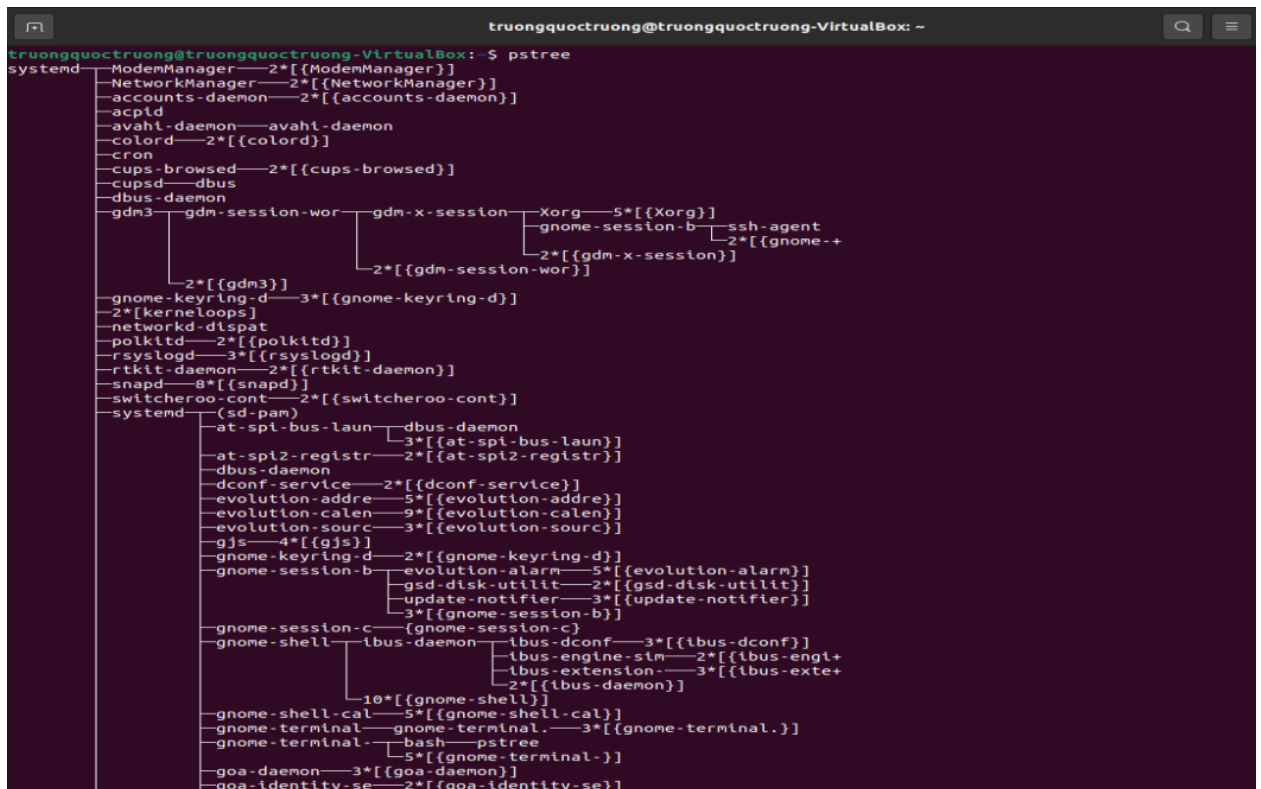


Bài 2

Bước 1. Chạy lệnh: `pstree`



Lệnh này một mình sẽ hiển thị một danh sách tất cả các tiến trình đang chạy. Quá trình ở trên cùng (systemd trong trường hợp này) là tiến trình cha cho tất cả mọi thứ đang chạy trên máy tính. Các quá trình bên dưới nó được sinh ra hoặc mở thông qua systemd. Các lớp thụt lề khác cho thấy các mối quan hệ tương tự, giống như một cây gia đình.

Sử dụng pstree với các flags:

- Để hiển thị thông tin nhận dạng quy trình, chúng ta có thể sử dụng cờ **-p**, hiển thị số nhận dạng quy trình hoặc PID.

- Chúng ta có thể quản lý điều đó bằng cờ -l "kết thúc" các đường dài ở cạnh màn hình thiết bị đầu cuối.

```
truongquoctruong@truongquoctruong-VirtualBox: ~  
truongquoctruong@truongquoctruong-VirtualBox:~$ pstree -l  
systemd├─ModemManager─2*[{ModemManager}]  
├─NetworkManager─2*[{NetworkManager}]  
├─accounts-daemon─2*[{accounts-daemon}]  
├─acpid  
├─avahi-daemon─avahi-daemon  
├─colord─2*[{colord}]  
├─cron  
├─cups-browsed─2*[{cups-browsed}]  
├─cupsd├─dbus  
│└─dbus-daemon  
├─gdm3├─gdm-session-wor├─gdm-x-session├─Xorg─5*[{Xorg}]  
│││││└─gnome-session-b├─ssh-agent  
│││││└─2*[{gnome-session-b}]  
│││└─2*[{gdm-x-session}]  
│└─2*[{gdm3}]  
├─gnome-keyring-d─3*[{gnome-keyring-d}]  
├─2*[{kerneloops}]  
├─networkd-dispat  
├─polkitd─2*[{polkitd}]  
├─rsyslogd─3*[{rsyslogd}]  
├─rtkit-daemon─2*[{rtkit-daemon}]  
├─snapd─8*[{snapd}]  
├─switcheroo-cont─2*[{switcheroo-cont}]  
└─systemd├─(sd-pam)  
│├─at-spi-bus-laun├─dbus-daemon  
│││3*[{at-spi-bus-laun}]  
│├─at-spi2-registr─2*[{at-spi2-registr}]  
│├─dbus-daemon  
│├─dconf-service─2*[{dconf-service}]  
│├─evolution-addre─5*[{evolution-addre}]  
│├─evolution-calen─9*[{evolution-calen}]  
│├─evolution-sourc─3*[{evolution-sourc}]  
│├─gjs─4*[{gjs}]  
│├─gnome-keyring-d─2*[{gnome-keyring-d}]  
│├─gnome-session-b├─evolution-alarm─5*[{evolution-alarm}]  
│││├─gsd-disk-utillt─2*[{gsd-disk-utillt}]  
│││├─update-notifier─3*[{update-notifier}]  
│││└─3*[{gnome-session-b}]  
│├─gnome-session-c├─(gnome-session-c)  
││├─gnome-shell├─ibus-daemon├─ibus-dconf─3*[{ibus-dconf}]  
│││││├─ibus-engine-sim─2*[{ibus-engine-sim}]  
│││││├─ibus-extension─3*[{ibus-extension-}]  
│││││└─2*[{ibus-daemon}]  
│││└─10*[{gnome-shell}]  
│├─gnome-shell-cal─5*[{gnome-shell-cal}]  
│├─gnome-terminal├─gnome-terminal.─3*[{gnome-terminal-}]  
││└─bash├─pstree  
││└─4*[{gnome-terminal-}]  
├─goa-daemon─3*[{goa-daemon}]  
├─goa-identity-se─2*[{goa-identity.se}]  
└─od atttattt─2*[{od atttattt}]
```

Bước2:

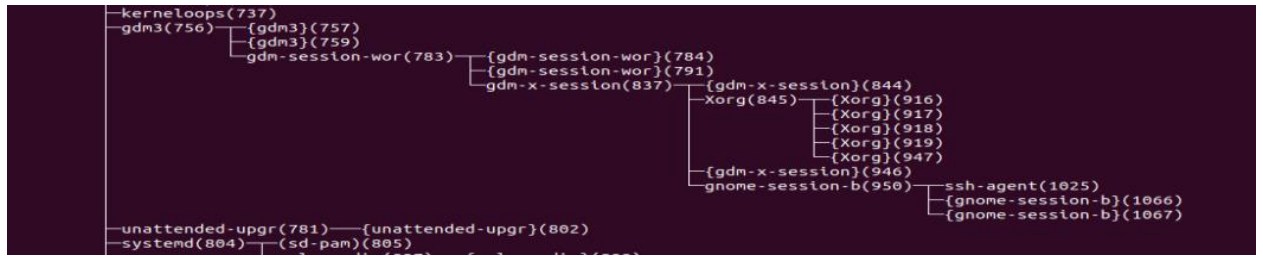
Sử dụng lệnh **pstree -s** để tìm tiến trình cha của một tiến trình dựa vào PID của nó.

Ví dụ1: PID = 798

```
{rsyslogd}(615)  
├─snapd(593)  
│├─{snapd}(798)  
│├─{snapd}(799)  
│├─{snapd}(800)  
│├─{snapd}(801)  
│├─{snapd}(813)  
│├─{snapd}(814)  
│├─{snapd}(815)  
│└─{snapd}(3291)  
└─switcheroo-cont(600)├─{switcheroo-cont}(600)
```

```
wpa_supplicant  
truongquoctruong@truongquoctruong-VirtualBox:~$ pstree -s 798  
systemd├─snapd├─{snapd}  
truongquoctruong@truongquoctruong-VirtualBox:~$
```

Ví dụ2: PID = 1067



```
truongquoctruong@truongquoctruong-VirtualBox:~$ pstree -s 1067
systemd--gdm3--gdm-session-wor--gdm-x-session--gnome-session-b--{gnome-session-b}
truongquoctruong@truongquoctruong-VirtualBox:~$
```